

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (Nº): **19KOT/340451**

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU**
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and
environmental protection for imported motor vehicle)

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe (For registration fee and registration formalities)

Tình trạng phương tiện (Vehicle's status): Chưa qua sử dụng

Người nhập khẩu (Importer): **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY VINH PHÚ**

Địa chỉ (Address): **Số 990, Đường Xa lộ Hà Nội, KP 2, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**

Loại phương tiện (Vehicle's type): **Ô tô bơm bê tông**

Nhãn hiệu (Trade mark): **HYUNDAI**

Mã kiểu loại (Model code): **---**

Tên thương mại (Commercial name):

Số khung (Chassis N°): **KMFDA18KPLC104407**

Số động cơ (Engine N°): **D6GAKJ269931**

Nước sản xuất (Production country): **KOREA (REPUBLIC)**

Năm sản xuất (Production year): **2019**

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration N°/date):

102876354341 / 17/09/2019

Số biên bản kiểm tra (Inspection record N°): **003098/19OT-038/003**

Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): **21/11/2019 / Thành phố Đà Nẵng**

Số đăng ký kiểm tra (Registered N° for inspection): **003098/19OT**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân (Kerb mass):

15400 kg

Khối lượng toàn bộ TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (Max. total mass: Designed/Authorized):

15930/ 15930 kg

Số người cho phép chở, kể cả người lái: Tổng (ngồi+đứng+nằm+xe lăn):

02 (02 ngồi) người

(Passenger capacity including driver: Total (seating+standing+lying+wheelchair))

Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):

10405 x 2495 x 3590 mm

Công thức bánh xe (Drive configuration): **4 x 2**

Khoảng cách trục (Wheel space):

5850

mm

Vết bánh xe trước (Front track):

2040

mm

Ký hiệu, loại động cơ (Engine model, engine type):

Vết bánh xe sau (Rear track): **1850**

mm

D6GA, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng, tăng áp

Loại nhiên liệu (Fuel): **Diesel**

Thể tích làm việc (Displacement): **5899**

cm³

Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay (Max. engine output/ rpm):

187/2500

kW/rpm

Lốp xe (Tyres): Trục 1 (Axle 1st): **02 Lốp; 12R22.5**

Trục 2 (Axle 2nd): **04 Lốp; 12R22.5**

Trang thiết bị chuyên dùng (Special purpose equipment):

Hệ thống bơm bê tông nhãn hiệu EVERDIGM, model LP1015.

Xe cơ giới đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 và Thông tư số 55/2014/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This motor vehicle has been inspected and satisfied with requirements of the Circular N° 31/2011/TT-BGTVT to be issued on April 15th, 2011 and Circular N° 55/2014/TT-BGTVT to be issued on October 20th, 2014 by Minister of Ministry of Transport.

Ghi chú (Remarks):

Chiếc xe này được sản xuất lắp ráp từ ô tô cơ sở nhãn hiệu HYUNDAI, tên thương mại HD170.

(Date) Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2019

Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)

TL. CỤC TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI



Nguyễn Tô An

CQ A 1064007

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...